

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày 23-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ninh Ngọc Tú.

Ông Đặng Hải Quân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 30/11/2020 tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Từ Văn L, sinh năm 1992. Địa chỉ: Xóm L, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2020, các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh T và người được ủy quyền ông Nguyễn Văn H trình bày: Anh Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị N có quen biết từ trước, bà N là khách hàng thường xuyên đến quán nước giải khát của anh T. Ngày 14/02/2019, bà Nguyễn Thị N có hỏi vay anh số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để giải quyết việc riêng, vì tin tưởng và do bà N khẩn cầu nên anh T đã cho bà Nguyễn Thị N vay tiền, có lập giấy “*Biên nhận vay tiền*” ngày 14/02/2019 có anh Từ Văn L (người này không có quan hệ họ hàng, mâu thuẫn gì với cả hai bên chứng kiến), lỗi suất tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Đến hạn ngày 14/4/2019 cho đến nay, bà Nguyễn Thị N không trả được nợ nên anh đã yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả gốc và lãi theo lãi xuất vay Ngân hàng. Nay anh khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trong hạn từ ngày 14/02/2019 đến ngày 14/4/2019, lãi quá hạn từ ngày 14/04/2019 đến ngày Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm lần đầu tiên là ngày 15/3/2021 tổng số tiền là 231.540.000 đ (hai trăm ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được tính số tiền lãi quá hạn đến ngày 14/4/2021.

Người làm chứng anh Từ Văn L tại phiên tòa trình bày: Ngày 14/02/2019, anh đến quán nhà anh Nguyễn Minh T uống nước cùng bạn và được anh T nhờ sang bàn chứng kiến việc anh Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị N ký vào giấy Biên nhận vay tiền và giao nhận số tiền 200.000.000 đồng chia thành 04 cọc tiền có mệnh giá 500.000 đồng.

Quá trình giải quyết , Tòa án đã triệu tập, thông báo yêu cầu đương sự bà Nguyễn Thị N đến Tòa án trình bày bản tự khai, lấy lời khai nhưng bà Nguyễn Thị N nhiều lần vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và phát biểu quan điểm giải quyết nội dung vụ án như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về Thẩm quyền thụ lý vụ án; thông báo thụ lý; xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; việc giao nộp, thu thập chứng cứ; thủ tục cấp, thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều được thực hiện thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 26, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 203, 208, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố

tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 357; 463; 465; 466 của Bộ luật Dân sự: Về hình thức và nội dung vay đảm bảo đúng quy định, có người làm chứng và nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn, vì vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Minh T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi trong hạn từ ngày 14/02/2019 đến ngày 14/4/2019, lãi quá hạn từ ngày 14/4/2019 đến ngày 15/3/2021 tổng số tiền là 243.320.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) theo giấy biên nhận vay tiền lập ngày 14/02/2019; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự : Tại phiên tòa lần 1 ngày 31/3/2021 bà Nguyễn Thị N vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn và ấn định lại ngày mở phiên tòa, tiếp tục tiến hành niêm yết công khai. Tại phiên tòa ngày 23/4/2021, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần; do vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ giao dịch dân sự cho nhau vay tiền với mục đích cá nhân nên xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; do vậy căn cứ quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

[3] Về thẩm quyền: Bị đơn là cá nhân hiện cư trú , sinh sống trên địa bàn huyện Hữu Lũng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, căn cứ theo các Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ giấy biên nhận vay tiền lập ngày 14/02/2019, anh Nguyễn Minh T đã khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N thanh toán số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 14/02/2019 đến ngày 14/4/2019 là 3.320.000 đồng, lãi quá hạn tự nguyện đề nghị tính từ ngày 14/4/2019 đến ngày 14/4/2021 tròn 02 năm là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); tổng số tiền là 243.320.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, niêm yết để làm rõ nội dung việc tranh chấp nhưng bị đơn đều vắng

mặt. Xem xét Giấy biên nhận vay tiền lập ngày 14/02/2019 đã được hai bên thỏa thuận các điều khoản vay tiền, giao nhận tiền; đồng thời thể hiện rõ năng lực pháp luật dân sự, ý chí tự nguyện ký kết (có chữ ký và chữ viết bằng bút mực) là đảm bảo về nội dung, hình thức theo quy định pháp luật dân sự. Ngoài ra, lời khai của người làm chứng anh Từ Văn L khẳng định, anh là khách hàng đến uống nước, không có tranh chấp, mâu thuẫn và thực tế cũng không quen biết cả người vay và cho vay tiền đồng thời cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự việc được chứng kiến bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh T cùng ký vào Giấy biên nhận vay tiền, sau đó anh chủ quán đã giao cho người nhận 04 thếp tiền mệnh giá 500.000đồng; nay nếu gặp trực tiếp người vay thì anh Từ Văn L sẽ nhận dạng được. Từ những căn cứ nêu trên, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Minh T số tiền gốc 200.000.000 đồng theo Giấy biên nhận vay tiền và số tiền nợ gốc và lãi trong hạn cùng lãi quá hạn 43.320.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật dân sự và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 14/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm nên cần tôn trọng quyền tự định đoạt, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng và đề nghị về việc giải quyết nội dung vụ án là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, 275, 280, 357, 463, 464, 465, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Minh T số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 14/02/2019 đến ngày 14/4/2019 là 3.320.000 đồng, số tiền lãi quá hạn tự nguyện tính từ ngày 14/4/2019 đến ngày 14/4/2021 là 40.000.000 đồng; tổng số tiền gốc và lãi là 243.320.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 12.166.000đ (mười hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Minh T số tiền 5.788.500đ (năm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002046 ngày 08/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H.Hữu Lũng, T.Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện H, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường